

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ
giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (được sửa đổi, bổ sung tại 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026-2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Văn bản số 3626/SCT-QLCN ngày 30/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các Hội, Hiệp hội trên địa bàn thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND thành phố (để b/c);
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo và Đài PT&TH thành phố;
- Các Phòng: XD&CT, NVKT&GS;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2035 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của thành phố để thu hút đầu tư, tập trung công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất, kim ngạch xuất khẩu như: điện tử, ngành công nghiệp công nghệ cao, ngành cơ khí chế tạo, ngành ô tô và ngành dệt may - da giày.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, sản xuất xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững theo định hướng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tiến tới phát triển công nghiệp hỗ trợ trở thành một ngành công nghiệp chủ lực của thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp thành phố và các tỉnh, thành phố trong nước, hướng tới xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở huy động mọi nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng hai con số của thành phố. Phát huy hiệu quả sức lan tỏa của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong nước để nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư; phát huy vai trò lan tỏa của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển hệ thống nhà cung ứng nội địa, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp trong nước theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ; vận dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP 14/7/2025 của Chính phủ) nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hải Phòng phù hợp với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới của thành phố.

- Thu hút các dự án FDI chất lượng cao, có sức lan tỏa về công nghệ và quản trị; từng bước hình thành hệ sinh thái liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa trên địa bàn thành phố.

- Hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ và mạng lưới doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có năng lực sản xuất và cung ứng sản phẩm, linh kiện, phụ tùng, vật liệu kỹ thuật cho các ngành công nghiệp chủ lực của thành phố, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và khu vực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nội địa từng bước trở thành nhà cung ứng cấp 1, cấp 2 trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành điện tử, ngành công nghiệp công nghệ cao, ngành cơ khí chế tạo, ngành ô tô và ngành dệt may – da giày; đồng thời sử dụng hiệu quả quỹ đất công nghiệp, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2035.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành lĩnh vực công nghiệp chủ lực của thành phố:

(1) Công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử:

Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ sản xuất các sản phẩm điện tử, điện tử thông minh, thiết bị điện và điện lạnh, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp đầu chuỗi sản xuất trên địa bàn thành phố và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Tập trung phát triển các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như: linh kiện điện tử chính xác, chất bán dẫn, bảng mạch điện tử (PCB), module điện tử, dây cáp, đầu nối (connector), vỏ kim loại, vỏ nhựa kỹ thuật, bao bì chống tĩnh điện, khuôn mẫu chính xác và các linh kiện, phụ kiện điện tử khác. Giai đoạn đến năm 2030, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 25 - 30% ; giai đoạn đến năm 2035, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 35 - 40%.

(2) Công nghiệp hỗ trợ ngành công nghệ cao:

Ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn, tự động hóa và sản xuất thông minh; khuyến khích đầu tư sản xuất vật liệu mới, linh kiện điện tử, vi mạch, cảm biến, bộ điều khiển, bộ truyền động chính xác, động cơ thể hệ mới, chi tiết cơ khí và chi tiết nhựa kỹ thuật có độ chính xác cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Giai đoạn đến năm 2030, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 15%; giai đoạn đến năm 2035, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 20%.

(3) Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo:

Phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành cơ khí, đóng tàu, thiết bị công nghiệp và thiết bị năng lượng theo hướng hiện đại, xanh và bền vững; ưu tiên phát triển các doanh nghiệp sản xuất chi tiết cơ khí chính xác, kết cấu thép, giá đỡ, khuôn mẫu, linh kiện, cáp điện, thiết bị phụ trợ và vật liệu kỹ thuật và các hệ thống điện, điện tử, tự động hoá; phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực, truyền thống của thành phố, thúc đẩy kết nối với các doanh nghiệp đầu chuỗi nhằm từng bước tham gia mạng lưới cung ứng trong nước và quốc tế. Giai đoạn đến năm 2030, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 40%; giai đoạn đến năm 2035, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 50%.

(4) Công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô:

Ưu tiên phát triển sản xuất linh kiện, phụ tùng và cụm chi tiết cho ô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải; tập trung vào hệ thống dây điện, thiết bị điện - điện tử, linh kiện nhựa, cao su kỹ thuật, ghế ngồi, nội thất, kính, hệ thống truyền động và các sản phẩm hỗ trợ khác nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực cung ứng cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô. Giai đoạn đến năm 2030, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 22 - 30%; giai đoạn đến năm 2035, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 32- 40%.

(5) Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may và da giày:

Phát triển sản xuất nguyên liệu, phụ liệu và phụ kiện phục vụ ngành dệt may, da giày theo hướng xanh, bền vững và đáp ứng các tiêu chuẩn của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Ưu tiên thu hút đầu tư sản xuất vải, xơ, sợi chất lượng cao, chỉ may, phụ kiện may mặc, nhãn mác, bao bì, khóa kéo, cúc, dây đai, keo dán, đế giày, phom giày, vật liệu mới và các nguyên phụ liệu khác nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và tăng khả năng tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế. Giai đoạn đến năm 2030, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 60%; giai đoạn đến năm 2035, phấn đấu đạt tỷ lệ nội địa hóa đạt 70%.

2.2.2. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ:

a) Giai đoạn đến năm 2030:

- Phần đầu trên địa bàn thành phố có từ 300 đến 350 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có năng lực sản xuất, cung ứng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp FDI và các tập đoàn đa quốc gia; trong đó hình thành đội ngũ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng tham gia trực tiếp vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Dự kiến hỗ trợ 15 - 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ được hỗ trợ tư vấn đào tạo hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế, trong đó dự kiến khoảng 10 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống đã được tư vấn, đào tạo.

- Dự kiến hỗ trợ 03 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng nghiên cứu, phát triển, trong đó có ít nhất 01 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công, ứng dụng, đổi mới công nghệ, sản xuất thử nghiệm, tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

- Dự kiến hỗ trợ 15 - 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các hoạt động liên kết giữa các trường đại học, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan khác.

- Thực hiện rà soát, cập nhật thông tin doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và nhu cầu của các doanh nghiệp FDI và các tập đoàn đa quốc gia định kỳ, tạo nền tảng cho hoạt động kết nối cung - cầu, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và hoạch định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.

b) Giai đoạn đến năm 2035:

- Tiếp tục phát triển công nghiệp hỗ trợ trở thành một trong những ngành công nghiệp nền tảng của thành phố Hải Phòng, có trình độ công nghệ tiên tiến, sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu.

- Phần đầu trên địa bàn thành phố có từ 450 đến 500 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trong đó hình thành lực lượng doanh nghiệp nòng cốt có năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, đổi mới công nghệ và tham gia cung ứng trực tiếp cho các tập đoàn sản xuất lớn trong nước và quốc tế.

- Dự kiến hỗ trợ tư vấn, đào tạo hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế cho 30 - 40 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trong đó 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống đã được tư vấn, đào tạo.

- Dự kiến hỗ trợ 03 - 05 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, trong đó ít nhất 02 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công giải pháp công nghệ mới, triển khai hiệu quả sản xuất thử nghiệm và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

- Từng bước hoàn thiện hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững; nâng cao khả năng thích ứng, chống chịu của doanh nghiệp trước biến động của thị trường và chuỗi cung ứng toàn cầu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Nhóm nhiệm vụ về thể chế, pháp luật

a) Rà soát, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, hạ tầng phát triển công nghiệp hỗ trợ:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố.

- Nghiên cứu, đánh giá về việc hình thành Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ tại thành phố Hải Phòng.

b) Triển khai các nội dung hỗ trợ tài chính, thuế và tín dụng:

- Rà soát, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

c) Phát triển hạ tầng, mặt bằng sản xuất cho công nghiệp hỗ trợ:

Rà soát, đôn đốc các nhà đầu tư hạ tầng bố trí và công bố quỹ đất trong khu, cụm công nghiệp dành cho công nghiệp hỗ trợ; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phát triển các khu, cụm công nghiệp phục vụ công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ.

2. Nhóm nhiệm vụ về khoa học - công nghệ, nhân lực và đào tạo

a) Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng

- Hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng theo ngành, lĩnh vực; cập nhật và hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn mới.

- Tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm tối ưu quy trình, giảm lãng phí, hạ giá thành; hỗ trợ doanh nghiệp thiết kế, chế tạo chi tiết, linh kiện chính xác cao; thúc đẩy tiếp cận và đổi mới máy móc, thiết bị theo hướng hiện đại hóa.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển sản xuất thông minh

- Thúc đẩy doanh nghiệp chuyển dịch từ mô hình sản xuất truyền thống sang mô hình nhà máy thông minh, xanh và bền vững; hỗ trợ phát triển giải pháp nhà máy thông minh vào quy trình sản xuất, hệ thống quản trị sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

- Tư vấn các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và quản lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn về dấu chân carbon và các quy định môi trường mới từ các thị trường nhập khẩu quốc tế.

- Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực chuyển đổi số, ứng dụng các công cụ marketing số hiện đại; tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế (chuyển đổi kép).

c) Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ (R&D) và hợp tác Viện - Trường - Doanh nghiệp:

- Tổ chức đặt hàng và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ nhằm giải quyết các bài toán cụ thể trong sản xuất, cải tiến sản phẩm và phát triển dòng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mới.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính trực tiếp cho doanh nghiệp khi triển khai dự án đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ xanh, công nghệ số và sản xuất thông minh.

- Thiết lập mạng lưới liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, trường nghề và doanh nghiệp để thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm định, đo lường hiện đại; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào quy trình sản xuất thực tế.

- Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, các viện nghiên cứu và trường đại học.

d) Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định, đo lường và chứng nhận chất lượng sản phẩm:

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường và thử nghiệm chất lượng sản phẩm tại các đơn vị có chức năng; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đạt các chứng nhận chất lượng quốc tế, chứng nhận sản phẩm phù hợp yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu (các tiêu chuẩn ngành ô tô, điện tử, cơ khí, ...).

đ) Hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ:

Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sở hữu công nghiệp); tư vấn pháp lý giúp doanh nghiệp bảo vệ thành quả R&D, tạo lợi thế cạnh tranh và làm nền tảng cho thương mại hóa, xuất khẩu sản phẩm.

e) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; đào tạo quản trị sản xuất, kỹ thuật và chất lượng:

- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị sản xuất tinh gọn (Lean Manufacturing), quản lý năng suất chất lượng và quản trị chuỗi cung ứng - logistics; các lớp tập huấn về hệ thống tiêu chuẩn quốc tế và phương pháp kiểm soát chất lượng đáp ứng yêu cầu của đối tác FDI.

- Triển khai các chương trình phối hợp giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố.

- Thiết lập cơ chế hợp tác “3 nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp): doanh nghiệp đặt hàng đào tạo theo nhu cầu, nhà trường cung cấp hạ tầng và giáo trình, Nhà nước hỗ trợ kinh phí và kết nối; tổ chức tham quan, học tập tại các mô hình doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ điển hình.

- Khuyến khích doanh nghiệp FDI xây dựng chương trình phát triển nhà cung ứng địa phương.

3. Nhóm nhiệm vụ về xây dựng, nâng cấp, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu

- Tổ chức khảo sát, thu thập và phân loại doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm, công đoạn và công nghệ sản xuất; thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu nội địa hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp dẫn dắt của Thành phố cũng như trong nước và quốc tế.

- Khai thác dữ liệu nhằm phục vụ kết nối chuỗi cung ứng, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả liên kết giữa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp sản xuất.

- Phối hợp với Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC) - Bộ Công Thương để khảo sát, cập nhật dữ liệu địa phương với cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ quốc gia.

4. Nhóm nhiệm vụ về phát triển thị trường và truyền thông

a) Tổ chức kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm:

Tổ chức chuỗi sự kiện kết nối cung - cầu, hội nghị tìm kiếm nhà cung cấp công nghiệp hỗ trợ hằng năm để kết nối doanh nghiệp Thành phố với doanh nghiệp FDI, tập đoàn đa quốc gia và các nhà sản xuất công nghiệp hỗ trợ trong, ngoài nước; kết nối cung - cầu sản phẩm với doanh nghiệp các địa phương và doanh nghiệp đầu cuối.

b) Hỗ trợ nâng cao năng lực sẵn sàng tham gia chuỗi cung ứng:

- Hỗ trợ, tư vấn tiếp cận thông tin thị trường, yêu cầu kỹ thuật và xu hướng phát triển của các chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp xây dựng hồ sơ năng lực, chứng nhận tiêu chuẩn và kết nối với đối tác trong và ngoài nước.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao kỹ năng xúc tiến thương mại và đầu tư.

c) Hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư:

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa; xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước thông qua tổ chức hoặc tham gia các triển lãm, hội chợ, hội nghị kết nối.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước mở rộng hợp tác, liên doanh - liên kết với đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm và thương hiệu hàng Việt Nam.

- Xây dựng và quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển công nghiệp hỗ trợ tới các nhà đầu tư quốc tế. Thiết lập và mở rộng mạng lưới đối tác quốc tế nhằm thúc đẩy liên kết sản xuất, chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường

- Tổ chức các chương trình hướng dẫn chuyên sâu về Quy tắc xuất xứ và tối ưu hóa thuế quan từ EVFTA, CPTPP, RCEP, ... cho riêng nhóm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như linh kiện điện tử, ô tô, cơ khí, năng lượng, dệt may, da giày...

d) Truyền thông, nâng cao nhận thức về công nghiệp hỗ trợ:

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về vai trò của công nghiệp hỗ trợ; từng bước xây dựng, định vị hình ảnh và năng lực cung ứng của ngành công nghiệp hỗ trợ Thành phố.

- Phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, thị trường, cung - cầu, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, yêu cầu về sản xuất và kinh doanh bền vững thông qua hội thảo, diễn đàn, hội nghị, xuất bản các bản tin, ấn phẩm và quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung thuộc Chương trình; được tiếp nhận kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Đơn vị thụ hưởng: Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2035.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng bao gồm:

- Nguồn ngân sách Thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành: các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí được cấp từ dự toán ngân sách hàng năm hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cấp bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mới nếu chưa có trong dự toán 2026 của đơn vị.

- Kinh phí xã hội hóa khác (đóng góp, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn khác) theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Là đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; tham gia có ý kiến về nội dung đề án, các chương trình, hoạt động thuộc Chương trình, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Theo dõi và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Công Thương trước **ngày 20 tháng 12 hằng năm.**

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, hoạt động thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ kế hoạch năm, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí trong dự toán ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

3. Các Sở, ngành và các đơn vị liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo Chương trình này vào các chương trình, đề án, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện; đồng thời gửi kế hoạch hằng năm về Sở Công Thương **trước ngày 31 tháng 8** để tổng hợp chung vào kế hoạch của năm tiếp theo.

b) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ về Sở Công Thương **trước ngày 10 tháng 12** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm theo)

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung hoặc phát sinh vướng mắc, các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan kịp thời có Văn bản gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2035
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
NHÓM I. NHIỆM VỤ VỀ THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT					
a) Rà soát, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, hạ tầng phát triển công nghiệp hỗ trợ					
1	Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng.	Sở Công Thương	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định Ban hành quy chế	Quý I năm 2027
2	Nghiên cứu, đánh giá về việc hình thành Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ tại thành phố Hải Phòng.	Sở Công Thương	Cục, Vụ của Bộ, ngành liên quan; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo đánh giá	Năm 2027 - 2028
b) Triển khai các nội dung hỗ trợ tài chính, thuế và tín dụng					
3	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền thuê đất, hỗ trợ lãi suất và các ưu đãi tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 6, Thuế thành phố Hải Phòng	Các tổ chức tín dụng; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hội nghị/buổi làm việc; văn bản hướng dẫn	Hàng năm
4	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương và Hiệp hội doanh nghiệp, đơn vị liên quan	Giấy xác nhận ưu đãi	Hàng năm

STT	Tên nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
c) Phát triển hạ tầng, mặt bằng sản xuất cho công nghiệp hỗ trợ					
5	Rà soát, đôn đốc các nhà đầu tư hạ tầng bố trí và công bố quỹ đất trong khu, cụm công nghiệp dành cho công nghiệp hỗ trợ; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phát triển các khu, cụm công nghiệp phục vụ công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ.	Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Sở Xây dựng, Chủ đầu tư: các Cụm công nghiệp, hạ tầng Khu công nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Văn bản đề xuất, hướng dẫn	Hàng năm
NHÓM II. NHIỆM VỤ VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO					
a) Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng					
6	Hướng dẫn, tư vấn áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến; hỗ trợ đổi mới máy móc, thiết bị hiện đại	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Công Thương	Các tổ chức tư vấn, hiệp hội ngành nghề; doanh nghiệp, Hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị liên quan	Số doanh nghiệp được hỗ trợ hàng năm; báo cáo kết quả	Hàng năm
b) Hỗ trợ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển sản xuất thông minh					
7	Hướng dẫn, Tư vấn tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, quản lý chất thải theo kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ đáp ứng tiêu chuẩn carbon	Sở Công Thương	Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Công văn hướng dẫn, hỗ trợ; Số lượng doanh nghiệp được tư vấn	Hàng năm
8	Tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số lớp tập huấn/số lượt doanh nghiệp tham gia	Hàng năm
c) Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ (R&D) và hợp tác Viện - Trường - Doanh nghiệp					
9	Tổ chức đặt hàng nghiên cứu Khoa học và công nghệ giải quyết bài toán cụ thể trong sản xuất, cải tiến và phát triển sản phẩm CNHT mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, các viện nghiên cứu, trường đại học; các cơ quan, đơn vị liên quan	Danh mục đề tài/dự án KH-CN; kết quả nghiên cứu được ứng dụng	Hàng năm

STT	Tên nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
10	Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký, thực hiện nhiệm vụ Đề tài khoa học và công nghệ cấp thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, các viện nghiên cứu, trường đại học; các cơ quan, đơn vị liên quan	Danh mục đề tài/dự án KH-CN; kết quả nghiên cứu được ứng dụng	Hàng năm
11	Thiết lập mạng lưới liên kết giữa các Viện nghiên cứu, trường đại học, trường nghề và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, các viện nghiên cứu, trường đại học; các cơ quan, đơn vị liên quan	Biên bản ghi nhớ, ký kết hợp tác	Hàng năm
12	Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, các viện nghiên cứu và trường đại học	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành, các viện nghiên cứu, trường đại học; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hội nghị, hội thảo, dự án KH-CN	Hàng năm
d) Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định, đo lường và chứng nhận chất lượng sản phẩm					
13	Hỗ trợ doanh nghiệp nội địa đạt chứng nhận chất lượng quốc tế phù hợp yêu cầu chuỗi cung ứng toàn cầu (ô tô, điện tử, cơ khí ...) như các chứng nhận bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn carbon thấp (như CBAM của EU) và chứng chỉ chất lượng quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; các tổ chức chứng nhận; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số chứng nhận quốc tế được cấp cho doanh nghiệp CNHT	Hàng năm
đ) Hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ					
14	Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sở hữu công nghiệp); tư vấn pháp lý bảo vệ thành quả R&D	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Công Thương, Tư pháp; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số đơn đăng ký SHTT được hỗ trợ; số buổi tư vấn pháp lý	Hàng năm
e) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; đào tạo quản trị sản xuất, kỹ thuật và chất lượng					
15	Triển khai các chương trình phối hợp giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở: Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Cụm Công nghiệp; các trường đại học, cao đẳng nghề; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số khóa đào tạo; số lao động được đào tạo/nâng cao tay nghề	Hàng năm

STT	Tên nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
NHÓM III. NHIỆM VỤ VỀ XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, VẬN HÀNH HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU					
16	Tổ chức khảo sát, thu thập, phân loại doanh nghiệp CNHT theo sản phẩm, công đoạn và công nghệ sản xuất; cập nhật nhu cầu nội địa hóa của doanh nghiệp dẫn dắt trong và ngoài nước	Sở Công Thương	Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Cụm công nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	File dữ liệu	Hàng năm
17	Phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển Công nghiệp IDC - Bộ Công Thương để khảo sát, cập nhật dữ liệu địa phương với cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ quốc gia	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	File dữ liệu	2 năm /1 lần hoặc tiến độ của Bộ Công Thương
18	Khuyến khích doanh nghiệp FDI xây dựng chương trình phát triển nhà cung ứng địa phương	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Danh sách nhu cầu của doanh nghiệp	Hàng năm
NHÓM IV. NHIỆM VỤ VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÀ TRUYỀN THÔNG					
a) Tổ chức kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm					
19	Tổ chức chuỗi sự kiện kết nối cung - cầu (Matching Event) hằng năm; hội nghị tìm kiếm nhà cung cấp CNHT kết nối doanh nghiệp TP với FDI, tập đoàn đa quốc gia và nhà sản xuất trong, ngoài nước	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số sự kiện/hội nghị tổ chức; số doanh nghiệp kết nối được hàng năm	Hàng năm
20	Hỗ trợ tham gia Sàn Giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số lượng doanh nghiệp tham gia, kết nối	Hàng năm
21	Hỗ trợ tham gia Triển lãm Techfest Hải Phòng thường niên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số lượng doanh nghiệp tham gia, kết nối	Hàng năm

STT	Tên nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
b) Hỗ trợ nâng cao năng lực sẵn sàng tham gia chuỗi cung ứng					
22	Tổ chức hội nghị, tập huấn nâng cao kỹ năng xúc tiến thương mại, đầu tư; hỗ trợ áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù ngành	Sở Công Thương	Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số hội nghị/khóa tập huấn; số doanh nghiệp được hỗ trợ	Hàng năm
c) Hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư					
23	Tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết FDI - doanh nghiệp nội địa; xúc tiến thu hút đầu tư thông qua triển lãm, hội chợ, hội nghị kết nối trong và ngoài nước	Sở Tài chính	Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Cụm công nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số hợp đồng/biên bản ghi nhớ hợp tác ký kết; số dự án FDI thu hút được	Hàng năm
24	Xây dựng và quảng bá hình ảnh, tiềm năng lợi thế địa phương trong phát triển công nghiệp hỗ trợ	Sở Công Thương	Sở Ngoại vụ, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng, Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng, Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Số lượng Video tuyên truyền, bài viết, tin bài.	Hàng năm
25	Tổ chức các chương trình hướng dẫn chuyên sâu về Quy tắc xuất xứ và tối ưu hóa thuế quan từ EVFTA, CPTPP, RCEP,... cho riêng nhóm sản phẩm CNHT như linh kiện điện tử, ô tô, cơ khí chế tạo, năng lượng, dệt may, da giày,...	Sở Công Thương	Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng, Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hội nghị, hội thảo	Hàng năm
d) Truyền thông, nâng cao nhận thức về công nghiệp hỗ trợ					
26	Phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách thị trường, cung cầu – hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng, Cụm công nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hội nghị, hội thảo, Văn bản thông tin.	Hàng năm